

Số: 4.78./QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10
cho các trường trung học phổ thông tư thục năm học 2019 - 2020**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 06/8/2008 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội về việc thành lập Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội; Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 13/2011/TT-B GDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 11/11/2013 của UBND Thành phố về việc tăng cường quản lý hoạt động các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trung học phổ thông và xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở GDĐT Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2019 - 2020 cho 94 trường trung học phổ thông (THPT) tư thục tuyển mới 21.825 học sinh và 485 lớp, cụ thể như sau:

(Có danh sách cơ sở giáo dục và chỉ tiêu giao đính kèm).

Điều 2. Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông có trách nhiệm tổ chức tuyển sinh đúng chỉ tiêu kế hoạch được giao, đúng quy chế và hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội quy định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở GDĐT, Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *qm*

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 3;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Sở Công an TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu VT, KHTC. *76*



CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT TƯ THỰC NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 478 /QĐ-SGDĐT ngày 03/4 /2019 của Sở GDĐT Hà Nội) *gmx*

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG CỘNG	1,316	485	500	331	51,346	21,825	18,369	11,152	
	KHU VỰC 1	44	15	18	11	1,604	675	584	345	
	BA ĐÌNH	10	3	4	3	343	135	124	84	
1	THPT Hoàng Long	10	3	4	3	343	135	124	84	Số 347 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình
	TÂY HỒ	34	12	14	8	1,261	540	460	261	
2	THPT Đông Đô	17	5	8	4	705	225	310	170	Số 8, Vọng Thị, phường Bưởi, Tây Hồ
3	THPT Phan Chu Trinh	7	3	2	2	280	135	80	65	Số 481 đường Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ
4	THPT Hà Nội-Academy	7	3	3	1	225	135	65	25	D45-D46 Khu đô thị Ciputra, phường Phú Thượng, Tây Hồ
5	Trường song ngữ quốc tế Horizon	3	1	1	1	51	45	5	1	Số 98 Tô Ngọc Vân, phường Quảng An, - Tây Hồ
	KHU VỰC 2	148	49	60	39	5,702	2,205	2,226	1,271	
	HOÀN KIẾM	36	14	14	8	1,414	630	547	237	
6	THPT Đinh Tiên Hoàng- Ba Đình	25	10	10	5	972	450	354	168	Nhà C, số 10, phố Chương Dương Độ, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	THPT Hồng Hà	11	4	4	3	442	180	193	69	Số 67, phố Lê Văn Hưu, phường Ngô Thi Nhậm, Hoàn Kiếm.
	HAI BÀ TRUNG	112	35	46	31	4,288	1,575	1,679	1,034	
8	THCS & THPT Tạ Quang Bửu	28	8	11	9	1,106	360	439	307	Tòa nhà C, số 94A, phố Lê Thanh Nghị, Hai Bà Trưng
9	TH, THCS&THPT Vinschool	27	7	11	9	845	315	295	235	T37 - Khu đô thị Time City - 458 phố Minh Khai - Hai Bà Trưng
10	THPT Văn Hiến	25	10	10	5	1,110	450	450	210	Ngõ 228 Minh Khai - số 4 ngõ Chùa Hưng Ký, phường Minh Khai, Hai Bà Trưng
11	THPT Đông Kinh	12	5	4	3	505	225	160	120	Số 310 Minh Khai (đi cổng 18 Tam Trinh), phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng.
12	THPT Hòa Bình - La Trobe - Hà Nội	20	5	10	5	722	225	335	162	Số 65 phố Cầm Hội, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng
	KHU VỰC 3	296	105	118	73	10,997	4,725	3,870	2,402	
	ĐỒNG ĐA	75	32	30	13	2,741	1,440	953	348	
13	THPT Nguyễn Văn Huyền	9	4	3	2	309	180	73	56	Ngõ 157B phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa
14	THPT Bắc Hà - Đống Đa	11	4	5	2	395	180	150	65	Số 1A ngõ 538 đường Láng - Đống Đa

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
15	THCS&THPT Alfred Nobel	5	3	1	1	196	135	57	4	Ngõ 14 phố Pháo đài Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa
16	THCS&THPT TH Schoool	5	3	1	1	167	135	18	14	Số 4-6 phố Chùa Bộc, phường Quang Trung, quận Đống Đa
17	THPT Tô Hiến Thành	8	4	3	1	295	180	100	15	Số 27, Ngõ Giếng, phố Đông Các, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa.
18	THPT Phùng Khắc Khoan -Đống Đa	8	3	3	2	308	135	121	52	Số 85, Lương Đình Cua, phường Phương Mai, quận Đống Đa
19	THPT H.A.S (Hồ Xuân Hương cũ)	7	4	3		250	180	70		Nhà B17 Kim Liên, phố Lương Định Cua, Đống Đa.
20	THPT Hà Nội	9	4	3	2	336	180	85	71	Số 106 Thái Thịnh, quận Đống Đa
21	THPT Văn Lang	13	3	8	2	485	135	279	71	Số 160 Tôn Đức Thắng quận Đống Đa
	CẦU GIẤY	150	46	62	42	5,347	2,070	1,921	1,356	
22	THCS&THPT Nguyễn Siêu	19	5	8	6	576	225	201	150	Tổ 59, đường Trung Kính, phường Yên Hoà, Cầu Giấy
23	THPT Lý Thái Tổ	26	8	11	7	930	360	350	220	Số 165, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, Cầu Giấy
24	PTDL Hermann Gmeiner Hà Nội	12	3	5	4	465	135	180	150	Số 2, phố Doãn Kế Thiện, phường Mai Dịch - Cầu Giấy
25	THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy	47	12	18	17	1,713	540	595	578	Số 6 Trần Quốc Hoàn - Cầu Giấy
26	TH, THCS, THPT Đa trí tuệ	8	6	2		330	270	60	-	Lô TH2, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27	THPT Global	5	3	2		181	135	44	2	Lô C1, C2 – Khu đô thị mới Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
28	THPT Einstein	19	6	9	4	720	270	300	150	Số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa Cầu Giấy
29	THPT Lương Văn Can	14	3	7	4	432	135	191	106	Lô NT1, KĐT Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, Cầu Giấy
	THANH XUÂN	71	27	26	18	2,909	1,215	996	698	
30	THPT Phan Bội Châu	12	2	7	3	469	90	268	111	Số 21, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân
31	THPT Đại Việt	8	4	2	2	293	180	67	46	Số 301 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân
32	THPT Đào Duy Từ	29	9	11	9	1,253	405	445	403	Số 182 -Lương Thế Vinh-Thanh Xuân
33	THPT Hoàng Mai	9	5	2	2	417	225	108	84	Số 56A2 phố Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân
	THPT Huỳnh Thúc Kháng									Số 131, phố Nguyễn Trãi, Thanh Xuân
34	THPT Hồ Tùng Mậu	7	3	3	1	239	135	77	27	Số 18, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, Thanh Xuân
35	THPT Nguyễn Tất Thành - Sơn Tây	6	4	1	1	238	180	31	27	Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân
	KHU VỰC 4	97	40	32	25	3,929	1,800	1,388	741	

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	HOÀNG MAI	46	24	14	8	2,009	1,080	733	196	
36	THPT Phương Nam	10	8	1	1	665	360	295	10	Lô 18 khu đô thị Định Công - Hoàng Mai
37	THPT Trần Quang Khải	6	3	2	1	223	135	74	14	Ngõ số 1277, đường Giải phóng, Hoàng Mai
38	THCS&THPT quốc tế Thăng Long	5	3	1	1	185	135	40	10	Lô X1, Khu đô thị Bắc Linh Đàm- Hoàng Mai
39	THPT Nguyễn Đình Chiểu	5	2	2	1	195	90	60	45	Lô 12 - Khu đô thị Đền Lừ II- phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai
40	THPT Hoàng Diệu	8	4	2	2	301	180	66	55	Số 422 phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai
41	THPT Mai Hắc Đế	12	4	6	2	440	180	198	62	Lô 2, khu 10A, số 431 đường Tam Trinh - Hoàng Mai
	THANH TRÌ	51	16	18	17	1,920	720	655	545	
42	THPT Lương Thế Vinh	44	13	16	15	1,690	585	590	515	Thôn Tân xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì
43	THPT Lê Thánh Tông	7	3	2	2	230	135	65	30	Thôn Việt Yên, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì
	KHU VỰC 5	119	45	47	27	4,820	2,025	1,769	1,026	
	LONG BIÊN	70	25	29	16	2,725	1,125	1,035	565	-

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
44	THPT Tây Sơn	6	3	2	1	210	135	35	40	Tổ 08, phường Phúc Đồng - Long Biên
45	THPT Lê Văn Thiêm	29	10	12	7	1,240	450	500	290	Số 44 - Phố Ô Cách -phường Đức Giang - Long Biên
46	THPT Vạn Xuân - Long Biên	16	6	6	4	710	270	280	160	Số 56 phố Hoàng Như Tiếp - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên
47	TH, THCS&THPT Vinschool The Harmony	7	3	3	1	255	135	90	30	Tại ô B8 THPT Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, đường Chu Huy Mân, phường Phúc Đồng, quận Long Biên
48	THPT Wellspring	12	3	6	3	310	135	130	45	Số 95 phố Ái Mộ, phường Bồ Đề, Long Biên
	GIA LÂM	49	20	18	11	2,095	900	734	461	
49	THPT Lý Thánh Tông	20	9	7	4	904	405	320	179	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm
50	THPT Bắc Đuống	11	4	4	3	460	180	156	124	Số 76 Dốc Lã, xã Yên Thường, Gia Lâm
51	THPT Lê Ngọc Hân	11	4	4	3	448	180	151	117	Số 36/670 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm
52	THPT Tô Hiệu - Gia Lâm	7	3	3	1	283	135	107	41	Số 73, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm
	KHU VỰC 6	120	47	41	32	5,089	2,115	1,717	1,257	

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	SÓC SƠN	57	22	20	15	2,534	990	900	644	
53	THPT Mạc Đĩnh Chi	12	5	4	3	521	225	152	144	Kim Anh, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn
54	THPT Lạc Long Quân	14	5	5	4	638	225	247	166	Đường Núi Đồi, xã Phù Linh, Sóc Sơn
55	THPT Đặng Thai Mai	11	4	4	3	458	180	158	120	Thôn 4, xã Hồng Kỳ, Sóc Sơn
56	THPT Lam Hồng	20	8	7	5	917	360	343	214	Khối 5 - xã Phù Lỗ - huyện Sóc Sơn
	ĐÔNG ANH	63	25	21	17	2,555	1,125	817	613	
57	THPT Ngô Tất Tố	12	5	4	3	481	225	148	108	Xã Kim Chung, Đông Anh
58	THPT Kinh Đô	14	5	4	5	557	225	162	170	Thôn Ngoài, xã Uy Nỗ, Đông Anh
59	THPT Phạm Ngũ Lão	7	4	1	2	262	180	29	53	Thôn Địa, xã Nam Hồng, Đông Anh
60	THPT An Dương Vương	15	6	6	3	690	270	270	150	Tổ 12 Thị trấn Đông Anh
61	THPT Ngô Quyền - Đông Anh	15	5	6	4	565	225	208	132	Thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, Đông Anh
	KHU VỰC 7	210	73	81	56	8,009	3,285	2,897	1,827	

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	BẮC TỪ LIÊM	77	23	32	22	2,699	1,035	1,014	650	
62	THPT Đoàn Thị Điểm	31	8	14	9	1,057	360	443	254	Khu đô thị Bắc Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm.
63	THCS&THPT Hà Thành	20	5	9	6	695	225	280	190	Số 36A Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm
64	THPT Việt Hoàng	17	5	6	6	603	225	185	193	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm
	THPT Nguyễn Huệ									KĐT Nam Cường, ngõ 234 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1 quận Bắc Từ Liêm
	THCS và THPT NewTon									Khu dự án TNR Godl Mark City, số 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm
65	THPT Tây Đô	9	5	3	1	344	225	106	13	Đường Phú Minh, Tổ dân phố Phúc Lý 2, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm
	NAM TỪ LIÊM	110	39	41	30	4,401	1,755	1,603	1,043	
66	THCS&THPT Marie Curie	27	8	11	8	1,122	360	453	309	TH1, Phố Trần Văn Lai, phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm
67	THCS&THPT M.V.Lômônôxốp	28	8	11	9	1,064	360	396	308	Khu đô Thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
68	THPT Trí Đức	22	7	8	7	901	315	321	265	Tổ dân phố số 5, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm
69	THCS&THPT Việt - Úc Hà Nội	8	3	3	2	297	135	108	54	Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn- Nam Từ Liêm
70	THPT Xuân Thủy	6	2	2	2	232	90	87	55	Hòa Thị, phường Phương Canh, Nam Từ Liêm
71	THPT Olympia	7	3	2	2	275	135	88	52	Khu đô thị mới Trung Văn, phố Tố Hữu - phường Trung Văn, Nam Từ Liêm
72	THCS&THPT Lê Quý Đôn	7	4	3		310	180	130	-	Lô 1.A.II, Khu đô thị mới Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm
73	THCS&THPT Phạm Văn Đồng	5	4	1	-	200	180	20	-	Số 8 phố Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm
	THPT Trần Thánh Tông									Số 7, ngách 8/11, phố Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, Nam Từ Liêm
	HOÀI ĐỨC	11	6	3	2	440	270	100	70	
74	THPT Bình Minh	11	6	3	2	440	270	100	70	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức.
	ĐAN PHƯỢNG	12	5	5	2	469	225	180	64	
75	THPT Green City Academy (cũ là Nguyễn Trường Tộ)	12	5	5	2	469	225	180	64	Cụm 13 thôn Thượng Hội, xã Tân Hội, Đan Phượng
	KHU VỰC 8	38	16	12	10	1,537	720	478	339	

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	SƠN TÂY									
	PHÚC THỌ	7	4	1	2	284	180	44	60	
76	Phổ thông Hồng Đức	7	4	1	2	284	180	44	60	Thôn Tây - Xã Phụng Thượng - Huyện Phúc Thọ
	BA VÌ	31	12	11	8	1,253	540	434	279	
77	THPT Lương Thế Vinh - Ba Vì	18	6	7	5	728	270	272	186	Km 56, quốc lộ 32 thôn Vật Phụ - Xã Vật Lại - Ba Vì
78	THPT Trần Phú - Ba Vì	13	6	4	3	525	270	162	93	Thị trấn Tây Đằng - Huyện Ba Vì
	KHU VỰC 9	87	29	34	24	3,124	1,305	1,182	637	
	THẠCH THẮT	77	24	31	22	2,727	1,080	1,080	567	
79	THPT Phan Huy Chú - Thạch Thắt	31	10	12	9	1,204	450	519	235	Xã Bình Phú - Huyện Thạch Thắt
80	THCS&THPT TH School Hòa Lạc	4	2	1	1	110	90	20	-	Khu dịch vụ tổng hợp 1, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thắt.
81	THPT FPT	42	12	18	12	1,413	540	541	332	Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long - Huyện Thạch Thắt (trong khuôn viên trường đại học FPT)

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	QUỐC OAI	10	5	3	2	397	225	102	70	
82	Phổ thông Nguyễn Trực	10	5	3	2	397	225	102	70	Thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai
	KHU VỰC 10	122	51	44	27	5,059	2,295	1,732	1,032	
	HÀ ĐÔNG	69	27	27	15	2,795	1,215	1,004	576	
83	THPT Hà Đông	30	10	10	10	1,345	450	465	430	Khu Thể thao cây xanh Kiến Hưng, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông
84	THPT Xa La	11	4	4	3	450	180	173	97	Số 1 Dãy 5 -Khu đô thị Xa La - Phường Phúc La - Quận Hà Đông
85	Phổ thông quốc tế Việt Nam	5	2	2	1	146	90	30	26	KĐT mới Dương Nội, phường Dương Nội, Hà Đông
86	THPT Ngô Gia Tự	15	7	7	1	600	315	262	23	Ngõ 2, Xa La, phường Phúc La, Hà Đông
87	THPT Ban Mai	8	4	4		254	180	74		TH4 - KĐT Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông
	CHƯƠNG MỸ	31	14	9	8	1,267	630	369	268	
88	THPT Đặng Tiến Đông	11	6	3	2	437	270	116	51	Thôn Nội An, xã Đại Yên, Chương Mỹ
89	THPT Ngô Sỹ Liên	20	8	6	6	830	360	253	217	Tổ 5, Khu Chiến Thắng, TT Xuân Mai, Chương Mỹ
	THANH OAI	22	10	8	4	997	450	359	188	

TT	TÊN TRƯỜNG	Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2019-2020								Địa chỉ tuyển sinh
		LỚP				HỌC SINH				
		Tổng	L10	L11	L12	Tổng	L10	L11	L12	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
90	THPT IVS (Bắc Hà - Thanh Oai cũ)	12	5	5	2	524	225	220	79	Tổ 1, Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai
91	THPT Thanh Xuân	10	5	3	2	473	225	139	109	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai
	KHU VỰC 11	28	12	10	6	1,209	540	421	248	
	THƯỜNG TÍN	13	6	4	3	599	270	182	147	
92	THPT Phùng Hưng	13	6	4	3	599	270	182	147	Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín
	PHÚ XUYÊN	15	6	6	3	610	270	239	101	
93	THPT Nguyễn Bình Khiêm - Phú Xuyên	15	6	6	3	610	270	239	101	Xã Minh Cường, huyện Thường Tín
	KHU VỰC 12	7	3	3	1	267	135	105	27	
	ỨNG HÒA	7	3	3	1	267	135	105	27	
94	THPT Nguyễn Thượng Hiền-Ứng Hòa	7	3	3	1	267	135	105	27	Số 2, đường đê, Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa